

I. Bài tập 1.

Cho bảng số liệu :

Bảng 31.1. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt (theo giá so sánh năm 1994)

(Đơn vị : tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Lương thực	Rau đậu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả	Cây khác
1990	49604,0	33289,6	3477,0	6692,3	5028,5	1116,6
1995	66183,4	42110,4	4983,6	12149,4	5577,6	1362,4
2000	90858,2	55163,1	6332,4	21782,0	6105,9	1474,8
2005	107897,6	63852,5	8928,2	25585,7	7942,7	1588,5

- a) Hãy tính tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành trồng trọt theo từng nhóm cây trồng (lấy năm 1990 = 100%).
- b) Dựa trên số liệu vừa tính, hãy vẽ trên cùng hệ trục tọa độ các đường biểu diễn tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của các nhóm cây trồng.
- c) Nhận xét về mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt. Sự thay đổi trên phản ánh điều gì trong sản xuất lương thực, thực phẩm và trong việc phát huy thế mạnh của nông nghiệp nhiệt đới ?

2. Bài tập 2.

Cho bảng số liệu :

Bảng 31.2. Diện tích gieo trồng cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm

(Đơn vị : nghìn ha)

Năm	Cây công nghiệp hàng năm	Cây công nghiệp lâu năm
1975	210,1	172,8
1980	371,7	256,0
1985	600,7	470,3
1990	542,0	657,3
1995	716,7	902,3
2000	778,1	1451,3
2005	861,5	1633,6

- Phân tích xu hướng biến động diện tích gieo trồng cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm trong khoảng thời gian từ năm 1975 đến năm 2005.
- Sự thay đổi trong cơ cấu diện tích cây công nghiệp có liên quan như thế nào đến sự thay đổi trong phân bố sản xuất cây công nghiệp ?